

Bản án số: 386/2020/DS-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 09 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXXST-DS ngày 20/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 148/2020/QĐST - DS ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP E.

Trụ sở: Đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Hữu H, GUQ số 415/2020/EIB HCM/TDCN/UQ-QĐ ngày 09/6/2020.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Như N, sinh năm 1986

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: Số Đường C, Phường H, Quận U, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2020 và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP E (gọi tắt là E) cho bà Trần Thị Như N vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303748 ngày 04/6/2013, số tiền vay: 269.000.000 (hai trăm sáu mươi chín triệu) đồng. Mục đích vay: hỗ trợ tiêu dùng; Thời hạn vay: 120 tháng, tính từ thời điểm giải ngân; lãi suất cho vay 8%/năm được cố định

trong thời gian 06 tháng, sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo cơ chế lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,05%/tháng theo biểu lãi suất tiết kiệm công bố của E tại thời điểm thay đổi; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201404488 ngày 26/8/2014, số tiền vay: 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Mục đích vay: hỗ trợ tiêu dùng; Thời hạn vay: 120 tháng, tính từ thời điểm giải ngân; lãi suất cho vay 7%/năm được cố định trong thời gian 06 tháng, sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo cơ chế lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ, không tính lãi suất dự thưởng, lãi suất bậc thang) + 0,6%/tháng theo biểu lãi suất tiết kiệm công bố của E tại thời điểm thay đổi; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.

Ngày 04/6/2013 E đã giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản 269.000.000 đồng và ngày 26/8/2014 giải ngân 40.000.000 đồng vào cùng tài khoản số 200014849216090 của bà Trần Thị Như N tại E.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Như N đã thanh toán được số tiền 112.100.000 đồng của hợp đồng số 2000-LAV-201303748 và 12.580.000 đồng của hợp đồng số 2000-LAV-201404488. Sau đó, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Tại phiên tòa hôm nay, E khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Trần Thị Như N trả cho E số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303748 ngày 04/6/2013 là 234.740.113 đồng gồm các khoản sau:

- + Gốc: 156.900.000 đồng
- + Lãi trong hạn: 68.560.942 đồng
- + Lãi quá hạn: 9.279.171 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201404488 ngày 26/8/2014 là 40.647.722 đồng gồm các khoản sau:

- + Gốc: 27.420.000 đồng
- + Lãi trong hạn: 11.860.384 đồng
- + Lãi quá hạn: 1.367.338 đồng

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Như N nhưng bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án lần nào. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP E buộc bà Trần

Thị Như N phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 184.320.000 đồng; về nợ lãi sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, tính toán cụ thể kể từ ngày bà N vi phạm đến ngày vụ án được đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP E khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Thị Như N phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ xác định bà Trần Thị Như N có vay của E và đã nhận đủ tiền.

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303748 ngày 04/6/2013: Bà N vay 269.000.000 đồng. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 112.100.000 đồng. Từ tháng 09/2017, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định bà N còn nợ ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng là 156.900.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201404488 ngày 26/8/2014: Bà N vay 40.000.000 đồng. Bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 12.580.000 đồng. Từ tháng 10/2017, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định bà N còn nợ ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng là 27.420.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên E là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

Căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303748 ngày 04/6/2013 thì lãi suất tại thời điểm cho vay là 8%/năm, tại thời điểm xét xử là 16%/năm. Từ ngày 15/9/2017 bà N không thanh toán lãi nên ngân hàng chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn từ ngày 15/10/2017. Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201404488 ngày 26/8/2014, lãi suất tại thời điểm cho vay là 7%/năm, tại thời điểm xét xử là 16%/năm; bà N không thanh toán lãi từ ngày 01/10/2017 nên ngân hàng chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn từ ngày 02/11/2017.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP E khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Thị Như N phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303748 ngày 04/6/2013: 234.740.113 đồng. Trong đó, nợ gốc 156.900.000 đồng; lãi trong hạn: 68.560.942 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020: 9.279.171 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201404488 ngày 26/8/2014: 40.647.722 (bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng. Trong đó, nợ gốc 27.420.000 đồng; lãi trong hạn: 11.860.384 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020: 1.367.338 đồng..

[3] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Như N phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 463; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Như N trả cho Ngân hàng TMCP E số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng là 275.387.835 (hai trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi lăm) đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201303748 ngày 04/6/2013: 234.740.113 (hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn một trăm mười ba) đồng. Trong đó, nợ gốc 156.900.000 đồng; lãi trong hạn: 68.560.942 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020: 9.279.171 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201404488 ngày 26/8/2014: 40.647.722 (bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng. Trong đó, nợ gốc 27.420.000 đồng; lãi trong hạn: 11.860.384 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/9/2020: 1.367.338 đồng.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Như N phải chịu án phí sơ thẩm là 13.769.392 (mười ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.612.072 (năm triệu sáu trăm

mười hai nghìn không trăm bảy mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0014737 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Hiếu Hạnh